TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/DS-ST
Ngày: 31-7-2018
V/v tranh chấp về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Xuân Quyết

Bà Nguyễn Thị Vinh

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Ngọc Tiến - Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2018/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2018 tranh chấp về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1278/2018/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1534/2018/QĐST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Hoàng Văn V; nơi cư trú: Xóm 17, thôn Đ, xã C, thị xã S, thành phố Hà Nội; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Bùi Thị ML - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MTV BL và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Hoàng Xuân Q và chị Dầu Thị C, cùng nơi cư trú: Thôn Đ, xã ĐH, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Hoàng Thị C, nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Ông Hoàng Văn D;

3. Ông Hoàng Văn T;

Cùng nơi cư trú: Thôn Đ, xã ĐH, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

4. Bà Hoàng Thị C; nơi cư trú: Thôn Đ, xã ĐH, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

5. Bà Hoàng Thị H; ĐKNKTT tại: Thôn Đ, xã ĐH, huyện K, thành phố Hải Phòng; hiện đang cư trú tại HQ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 11 năm 2017, đơn khởi kiện bổ sung, các lời khai của nguyên đơn là ông Hoàng Văn V và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Gia đình ông có 630m² đất tại Thôn Đ, xã ĐH, huyện K, thành phố Hải Phòng. Nguồn gốc đất của bố mẹ là cụ Hoàng Văn B và cụ Nguyễn Thị C đã được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Cụ B và cụ C có 06 người con là: Bà Hoàng Thị C, bà Hoàng Thị C, ông Hoàng Văn Tr, ông Hoàng Văn D, ông Hoàng Văn V và bà Hoàng Thị H.

Năm 2001, cụ B chết không để lại di chúc. Năm 2006, cụ C đã để lại di chúc thể hiện cả di nguyện của cụ B là muốn để lại toàn bộ diện tích đất trên cho con trai út là Hoàng Văn V được toàn quyền sử dụng để sau này làm nhà thờ cúng và là nơi sinh hoạt chung của đại gia đình. Di nguyện ấy thể hiện rõ trong di chúc viết tay ngày 12 tháng 01 năm 2006 (tức ngày 13/12 Ất Dậu) và toàn thể 06 anh chị em trong gia đình đã ký vào văn bản (hiện nay bản chính đã bị thất lạc nhưng toàn bộ các con của cụ C đều công nhận có văn bản này). Ngày 12 tháng 8 năm 2010, cụ C cùng anh chị em ruột của ông V gồm: Ông Hoàng Văn Tr, Hoàng Văn D, bà Hoàng Thị C, Hoàng Thị C, Hoàng Thị H đã đồng ý và đã ký vào văn bản việc cụ C có đơn chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất nêu trên cho ông V, văn bản đã được Uỷ ban nhân dân xã ĐH xác nhận ngày 13 tháng 8 năm 2010.

Tại lời khai ngày 29 tháng 6 năm 2018 của ông Tr, cùng toàn bộ lời khai của các con cụ C trong hai buổi làm việc tại Tòa án ngày 7 tháng 5 năm 2018 và ngày 15 tháng 5 năm 2018 đều khẳng định là có bản di chúc năm 2006 và mọi người cùng ký vào bản di chúc đó. Di chúc năm 2006 của cụ C thỏa mãn theo quy định tại các Điều 646, Điều 647, Điều 649, Điều 650, Điều 652, Điều 653 và Điều 654 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Năm 2014, ông V có cho anh Hoàng Xuân Q và chị Dầu Thị C là con trai và con dâu của ông Hoàng Văn Tr ở nhờ một nhà ngang trên diện đất này. Việc cho ở nhờ không có giấy tờ. Khi ông có nhu cầu cải tạo nhà đất để làm nơi thờ cúng và làm nơi sinh hoạt chung của đại gia đình, ông có yêu cầu anh Q chị C trả lại đất thì anh Q chị C không trả nên ông yêu cầu Tòa án công nhận bản di chúc ngày 12 tháng 01 năm 2006 của cụ C và buộc anh Hoàng Xuân Q và chị Dầu Thị C phải trả lại diện tích nhà đất này cho ông.

Tại bản tự khai ngày 15 tháng 5 năm 2018, bị đơn là anh Hoàng Xuân Q trình bày:

Anh và vợ là chị Dầu Thị C đã nhận thông báo thụ lý, giấy triệu tập, các thông báo của tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Hiện vợ chồng anh đang ở trên mảnh đất của bà nội anh là cụ Nguyễn Thị C.

Năm 2014, sau khi cụ C chết được hơn một năm, lúc đó vợ chồng anh đang ở cùng ông Tr nhưng do chỗ ở chật chội nên anh xin ông V sang ở nhờ để thờ cúng cụ mới mất. Tài sản vẫn còn nguyên hiện trạng như lúc cụ C còn sống. Anh không tranh chấp đất với ai mà đang ở trên đất để thờ cúng các cụ. Ông V không có giấy tờ chứng minh ông có quyền sử dụng đất của cụ C. Văn bản ngày 12 tháng 01 năm 2006 chỉ là bản phô tô, yêu cầu ông V cung cấp được bản chính thì anh mới đồng ý ra khỏi nhà và đất của cụ C.

Chị Dầu Thị C là bị đơn trong vụ án trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng đều vắng mặt và không có lời khai. Tại phiên tòa, chị Dầu Thị C đồng ý với lời khai của anh Hoàng Văn Q.

Tại giấy cam kết này 23 tháng 6 năm 2018 cũng như lời khai tại phiên tòa của ông Hoàng Văn D, bà Hoàng Thị C, bà Hoàng Thị Ct là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng thống nhất trình bày:

Bố của các ông bà là cụ Hoàng Văn B (chết năm 2001) và mẹ là cụ Nguyễn Thị C (chết năm 2013). Hai cụ khi còn sống có một thửa đất số 740, tờ bản đồ số 1 và một ngôi nhà ba gian cùng toàn bộ công trình phụ tại thôn Đ xã ĐH, huyện K, thành phố Hải Phòng được Ủy ban nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 232213 ngày 20 tháng 12 năm 2007, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H11-01262/Q1.

Khi cụ B chết không để lại di chúc. Cụ C có để lại di chúc viết tay ngày 12 tháng 01 năm 2006 (tức ngày 13 tháng 12 năm 2006 âm lịch) trong đó thể hiện ý nguyện cho ông Hoàng Văn V toàn bộ diện tích đất và nhà nêu trên. Tất cả anh chị em trong gia đình gồm bà Hoàng Thị C, bà Hoàng Thị Ct, ông Hoàng Văn Tr, ông Hoàng Văn D, ông Hoàng Văn V và bà Hoàng Thị H đều nhất trí cho ông Hoàng Văn V toàn bộ diện tích đất và nhà nêu trên và tất cả anh chị em đều đã ký vào văn bản. Cụ C là người giữ bản chính, hiện bản chính bị thất lạc không tìm thấy. Các

ông bà cam kết văn bản trên là có thật và mỗi người được phô tô cho một bản. Các anh chị em đã ký đồng ý cho ông Hoàng Văn V toàn bộ diện tích nhà đất nêu trên mà cụ Hoàng Văn B và cụ Nguyễn Thị C để lại là hoàn toàn đúng sự thật. Yêu cầu vợ chồng anh Q phải rời khỏi nhà và trả lại nhà đất cho ông Hoàng Văn V.

Tại bản cam đoan (bút lục 159) của bà Hoàng Thị H trình bày:

"Hiện nay, tôi đang sống ở nước ngoài. Tôi viết bản cam đoan mọi sự việc như sau: Trước khi bố mẹ tôi còn sống đã nói họp tất cả các con trai, gái, con rể có viết lại di chúc cùng anh chị em, toàn bộ tài sản đất và nhà cửa của bố mẹ tôi là anh trai tôi là Hoàng Văn V được quyền thừa kế gia sản trên của bố mẹ tôi, đã để lại di chúc đó có viết ngày 12 tháng 01 năm 2006. Sau đó, mẹ tôi viết thêm bản nữa để các anh chị em hiểu rõ viết ngày 12 tháng 8 năm 2010, được mẹ tôi thông qua, các anh chị em tôi thống nhất ý nguyện của bố mẹ (anh chị em chúng tôi và tôi đã đồng ý kí vào bản di chúc đó để anh trai tôi được hưởng toàn bộ tài sản của bố mẹ để lại cho. Đến nay, tôi không còn ý kiến gì khác và đề nghị xem xét giải quyết cho anh tôi cũng như ý nguyện của bố mẹ tôi được quyền sở hữu toàn bộ gia sản trên".

Tại giấy cam đoan ngày 10 tháng 02 năm 2018, bà H yêu cầu Tòa án không đưa bà vào tố tụng nếu có đưa vào tố tụng và xin phép vắng mặt.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 29 tháng 6 năm 2018, ông Hoàng Văn Tr là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai như sau:

Liên quan đến việc khởi kiện của ông Hoàng Văn V thì ông Tr được biết có hai văn bản, đó là:

1. Văn bản thỏa thuận chung ngày 12 tháng 01 năm 2006 (tức ngày 13 tháng 12 âm lịch Ất Dậu);

2. Đơn xin chuyển quyền sử dụng đất cho con ngày 12 tháng 8 năm 2010 của cụ Nguyễn Thị C.

Hai văn bản này đều do cụ Nguyễn Thị C cùng ông Tr và các anh chị em là bà Hoàng Thị C, Hoàng Thị Ct, ông Hoàng Văn Dg, ông Hoàng Văn V và bà Hoàng Thị H lập nhưng ông Tr chỉ công nhận văn bản thỏa thuận chung ngày 12 tháng 01 năm 2006 (tức ngày 13 tháng 12 âm lịch Ất Dậu) vì văn bản này ông được biết, được tham gia và trực tiếp ký vào văn bản chung này. Ông Tr được biết bản chính văn bản thỏa thuận chung ngày 12 tháng 01 năm 2006 (tức ngày 13 tháng 12 âm lịch Ất Dậu) do ông Hoàng Văn V đang quản lý có cả chứng thực của Ủy ban nhân dân xã ĐH (thời điểm năm 2006). Ông Tr có được bản phô tô giao nộp cho Tòa án là do ông V phô tô cho mỗi người một bản. Sau khi phô tô cho mỗi người một bản, ông V mới cầm bản chính đi chứng thực để chuyển tên chủ sử dụng diện tích 630m^2 của bố mẹ ông để lại nhưng không được nên tiếp tục về lập

đơn xin chuyển quyền sử dụng đất cho con ngày 12 tháng 8 năm 2010. Do vậy, ông Tr không công nhận đơn chuyển quyền sử dụng đất cho con ngày 12 tháng 8 năm 2010 vì ông không được tham gia, không ký văn bản nhưng không đề nghị giám định chữ ký mang tên ông Tr trong văn bản này. Văn bản ngày 12 tháng 8 năm 2010 được Uỷ ban nhân dân xã ĐH xác thực nơi cư trú của cụ C chứ không xác thực về nội dung của văn bản.

Ông Tr khẳng định, ông vẫn luôn đồng ý để ông Hoàng Văn V quản lý, sử dụng diện tích 630m^2 như ý kiến của mẹ ông và các anh chị em trong nhà để sử dụng làm nơi thờ cúng, sinh hoạt chung cho đại gia đình. Ông Tr cho biết về bà H đã sang Hàn Quốc từ năm 2013, địa chỉ cụ thể ở đâu ông Tr không biết.

Tại phiên tòa, ông Tr thừa nhận nội dung văn bản ngày 12 tháng 01 năm 2006 là đúng nhưng yêu cầu ông V phải cung cấp bản chính thì ông mới chấp nhận văn bản này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn cung cấp cho tòa án văn bản photo ngày 12 tháng 01 năm 2006 thể hiện ý nguyện của cụ C giao toàn bộ 630m^2 cho ông Hoàng Văn V quản lý và sử dụng để làm nơi thờ cúng, văn bản này được các con của cụ ký đồng ý, tài liệu nguyên đơn cung cấp là tài liệu photo thì ko đảm bảo về tính pháp lý của văn bản. Tuy nhiên, văn bản này đã được các con của cụ C xác nhận là có văn bản này và các đương sự cũng như người có quyền lợi liên quan đã giao nộp cho Tòa văn bản này. Vì vậy, căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì tài liệu này hợp pháp. Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Bà Hoàng Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Hoàng Văn Vương cho rằng toàn bộ diện tích 630m^2 đất và nhà tại Thôn Đ, xã ĐH, huyện K, thành phố Hải Phòng có nguồn gốc của cụ B và cụ C để lại, đã được các anh chị em thống nhất giao cho ông quản lý, sử dụng. Hiện nay, diện tích đất này đang do

vợ chồng anh Q (là các con của ông Tr) đang sinh sống, quản lý. Trong vụ án có bà Hoàng Thị H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan hiện đang cư trú tại Hàn Quốc, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 3 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Ông Hoàng Văn V và các đương sự trong vụ án đều thống nhất diện tích đất 630m^2 và nhà tại Thôn Đ, xã ĐH, huyện K, thành phố Hải Phòng là của cụ Nguyễn Thị C và cụ Hoàng Văn B để lại đã được Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 232213 ngày 20 ngày 12 năm 2007 mang tên chủ sử dụng là hộ cụ Nguyễn Thị C và chồng là Hoàng B. Lời khai của các đương sự phù hợp với xác minh tại Công an xã ĐH thấy tại Sổ đăng ký hộ khẩu của xã ĐH lập năm 1997 do Công an xã đang quản lý thì hộ cụ Hoàng Văn B có số hộ 38 quyển 3 (chủ hộ); trong hộ chỉ có hai khẩu là cụ Hoàng Văn B và cụ Nguyễn Thị C. Cụ Hoàng Văn B ốm chết vào ngày 08 tháng 01 năm 2001.

[3] Theo xác minh tại Ủy ban nhân dân xã ĐH, cụ B chết năm 2001 nhưng tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2007 vẫn ghi tên cụ B là để thể hiện cụ B là chồng của cụ C và do hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại địa phương được làm từ năm 2000 (từ thời điểm cụ B còn sống). Tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi tên chủ hộ sử dụng đất là cụ Nguyễn Thị C vì lúc này cụ C là chủ hộ. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các con của hai cụ mỗi người ở một nơi, không có quyền sử dụng chung diện tích đất này, diện tích đất này cấp cho cụ C cụ B, nguồn gốc đất do ông cha nhiều đời để lại.

[4] Từ các chứng cứ trên, có đủ căn cứ xác định diện tích đất 630m² tại Thôn Đ, xã ĐH, huyện K, thành phố Hải Phòng đã được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 232213 ngày 20 ngày 12 năm 2007 thuộc quyền sử dụng của cụ C và cụ B. Sau khi cụ B chết, cụ C cùng các con lập văn bản vào ngày 12 tháng 01 năm 2006 thống nhất giao cho ông Hoàng Văn V là con trai thứ ba trong gia đình toàn quyền quản lý sử dụng diện tích đất của bố mẹ để lại. Ông Hoàng Văn Tr xác nhận nội dung văn bản ngày 12 tháng 01 năm 2006 để ông V sử dụng làm nơi thờ cúng, sinh hoạt chung cho đại gia đình là đúng và ông đã ký vào văn bản này. Bà Hoàng Thị H hiện đang sinh sống ở nước ngoài nhưng có giấy cam đoan gửi cho Tòa án công nhận nội dung văn bản thỏa thuận của các anh chị em trong gia đình vào ngày 12 tháng 01 năm 2006, thống nhất giao cho ông Hoàng Văn V được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất của bố mẹ để lại và yêu cầu Tòa án giải quyết đảm bảo quyền lợi cho ông V. Anh Q cũng khai sau khi cụ C mất được hơn một năm, do chỗ ở chật chội nên anh có xin ông V ở nhờ một nhà 40m^2 trên diện tích đất của cụ C để thờ cúng Cụ. Xét thấy, văn bản ngày

12 tháng 01 năm 2006, các đương sự không lưu giữ được bản chính nhưng quá trình giải quyết vụ án, ông Tr và các đương sự khác đã thừa nhận nội dung có trong văn bản và ông Tr cũng đã giao nộp cho Tòa án văn bản này. Nội dung của văn bản thể hiện ý chí của các anh chị em của ông Hoàng Văn V không tranh chấp, thống nhất giao cho ông V toàn quyền sử dụng 630m^2 đất của bố mẹ để lại. Như vậy, nội dung văn bản ngày 12 tháng 01 năm 2006 là hợp pháp và đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đó là những tình tiết, sự kiện rõ ràng mà mọi người đều biết và được Tòa án thừa nhận.

[5] Đối với đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho con, ông Tr khai không ký, không yêu cầu giám định. Ông V có yêu cầu giám định chữ ký của ông Triệu. Tại công văn số 213/CV ngày 25 tháng 7 năm 2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng trả lời tài liệu cần giám định và tài liệu mẫu so sánh thời gian ký cách xa nhau, chữ ký đơn giản, tài liệu mẫu so sánh ít nên không đủ cơ sở đánh giá kết luận. Tuy nhiên, ông Tr cũng khai do ông Vương không làm được thủ tục chuyển đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông V theo văn bản thỏa thuận ngày 12 tháng 01 năm 2006 nên mới phải làm lại đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Như vậy, là ông Tr cũng đã thừa nhận đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho con vào ngày 12 tháng 8 năm 2010.

[6] Anh Hoàng Văn Q và vợ là chị Dầu Thị C không thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ B và cụ C. Những người con đẻ của hai cụ vẫn còn sống. Do vậy, vợ chồng anh Q có nghĩa vụ trả lại diện tích đất 630m^2 cùng tài sản gắn liền với đất cho ông Hoàng Văn V quản lý, sử dụng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hoàng Xuân Q và vợ chị Dầu Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại ông Hoàng Văn V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[8] Về chi phí định giá tài sản: Do yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn V được chấp nhận nên anh Hoàng Xuân Q và vợ là chị Dầu Thị C phải chịu chi phí định giá tài sản và số tiền này được hoàn trả cho ông Hoàng Văn V theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 104, Điều 163, Điều 164, Điều 165, khoản 1 Điều 166, Điều 469 và Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn V:

Giao quyền sử dụng diện tích đất 630m² và tài sản gắn liền với đất tại số thửa 740, tờ bản đồ số 01 tại Thôn Đ (cũng có tên gọi là Thôn Đ 3), xã ĐH, huyện K, thành phố Hải Phòng đã được Ủy ban nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 232213 ngày 20 ngày 12 năm 2007 mang tên chủ sử dụng hộ bà Nguyễn Thị C và chồng Hoàng Văn B cho ông Hoàng Văn V quản lý, sử dụng.

Anh Hoàng Văn Q và vợ là chị Dầu Thị C có nghĩa vụ trả lại diện tích đất 630m^2 cùng tài sản gắn liền với đất cho ông Hoàng Văn V quản lý, sử dụng.

Ông Hoàng Văn V có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Hoàng Xuân Q và vợ là chị Dầu Thị C mỗi người phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại ông Hoàng Văn V 10.000.000 (mười triệu) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí tòa án số AA/2014/0003687 ngày 14 tháng 3 năm 2018 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Chi phí định giá tài sản: Anh Hoàng Xuân Q và vợ là chị Dầu Thị C phải chịu 4.000.000 (bốn triệu) đồng tiền chi phí định giá tài sản và số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng tiền chi phí định giá tài sản trên được hoàn trả cho ông Hoàng Văn V theo Phiếu thu ngày 04 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Hoàng Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành

án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hồ Điệp